

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 09-08-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lược;
2. Bà Đồng Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú, Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2022/TB-DSST ngày 08/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 69A/3. Khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Viết U, sinh năm 1990; địa chỉ Tổ 4, Khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2020); có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1941; địa chỉ: Số 85/2, Khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 26/1, Khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 85/2, Khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt

4. Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 25 Đoàn Hữu Trung, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt
5. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 85/2, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt
6. Bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 85/2, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt
7. Ông Nguyễn Bá T2, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 85/2, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt
8. Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 85/2, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt
9. Bà Nguyễn Thị Bích T3, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 3E/70, khu phố 9, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt
10. Bà Võ Thị T4, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp Suối Cát, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt
11. Chị Nguyễn Võ Trúc L1, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Suối Cát, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt
12. Anh Nguyễn Võ Hoàng L2, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp Suối Cát, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt
13. Bà Đào Thị N1, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 34/7/, Khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.
14. Bà Nguyễn Thị N4gọc K, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 24/3, Khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt
15. Bà Hà Thị C, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt
16. Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt
17. Ông Ngô Trung N2, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt
18. Ông Ngô Trung D2, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt
19. Bà Ngô Thanh T5, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt
20. Ông Ngô Thiện T6, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt
21. Bà Ngô Thanh L3, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt

22. Bà Ngô Thanh H3, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt

23. Ông Nguyễn Ngọc Đ1, sinh năm 1982; xin vắng mặt

24. Bà Nguyễn Thị Thúy P1, sinh năm 1986; xin vắng mặt

25. Bà Nguyễn Thị Xuân Đ1, sinh năm 1990; xin vắng mặt

3.26 Ông Trần Văn T7, sinh năm 1985; xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

27. Bà Nguyễn Thị Thanh T6, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

28. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Bà Bùi Thị H4, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

2. Ông Bùi O, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 12, Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

3. Bà Hà Thị C2, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 13, Ấp 3, xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/7/2021 và lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Cụ Nguyễn L3, sinh năm 1914, chết năm 2006 (theo trích lục khai tử số 703/TLKT-BS ngày 11/8/2020) và cụ Nguyễn Thị Đ2 (sinh năm 1915, chết năm 1979 – không có khai tử) là cha mẹ của nguyên đơn. Cụ L3 và cụ Đ2 có 07 người con chung gồm:

1. Ông Nguyễn T7, sinh năm 1941 (chết năm 2010), Ông T7 có vợ tên Nguyễn Thị D; Ông T7 và bà D có với nhau 09 người con gồm: Ông Nguyễn Đoàn K1, sinh năm 1964 (chết năm 2018) có vợ là bà Võ Thị T4 và các con Nguyễn Võ Hoàng L2 và Nguyễn Võ Trúc L1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Bá T2, bà Nguyễn Thị Kim V, bà Nguyễn Thị Bích T8.

2. Ông Nguyễn Văn Đ3, sinh năm 1945 (chết năm 1971), ông Đ3 có vợ là bà Đào Thị N1, ông Đ3 và bà N1 có 01 con chung là bà Nguyễn Thị K2.

3. Ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1950 (chết năm 1972) ông T8 có vợ là bà Hà Thị C, ông T8 và bà C có 02 con chung là Nguyễn Văn S (đã chết năm 2008, không có vợ con) và ông Nguyễn Tiến Đ.

4. Bà Nguyễn Thị V5, sinh năm 1952 (đã chết năm 2019), bà V5 có chồng là ông Ngô Phước T9 (đã chết năm 2019), bà V5 và ông T9 có 06 người con là: Ông Ngô Trung N2, ông Ngô Trung D2, bà Ngô Thanh T5, ông Ngô Thiện T6, bà Ngô Thanh L3, bà Ngô Thanh H3.

5. Ông Nguyễn Văn N (nguyên đơn);
6. Ông Nguyễn T10, sinh năm 1956, chết năm 1974 không có vợ con;
7. Bà Nguyễn Thị N4 (bị đơn).

Ngoài những người con trên cụ L3, cụ Đ2 không có con nuôi, không có con riêng. Cha mẹ của cụ L3 và cụ Đ2 đã chết trước cụ L3 và cụ Đ2.

Sinh thời cụ Nguyễn L3 và cụ Nguyễn Thị Đ2 có tạo lập được diện tích đất 454m² đất thuộc thửa đất số 587, tờ bản đồ số 30 và 1.800m² đất ruộng, rẫy tại xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Năm 1979, khi cụ Đ2 mất thì toàn bộ diện tích đất nêu trên do cụ Nguyễn L3 quản lý và sử dụng. Khi Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy trình đại trà cho người dân thì cụ L3 đã thực hiện việc kê khai, đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Năm 2006, nhận thấy sức khỏe đã giảm sút nên cụ L3 có làm bản di chúc dưới sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Đ3 – là em ruột của cụ L3 và các con Nguyễn Văn N, Hà Thị C, Nguyễn Thị V3 và Nguyễn Thị N4, với nội dung:

Đối với số ruộng và rẫy có diện tích khoảng 1.800m² sẽ giao cho con dâu là Hà Thị C, sinh năm 1952 quản lý, sử dụng; đối với phần đất khoảng 454m² đất trồng cây lâu năm, sẽ chia cho con gái Nguyễn Thị V3, sinh năm 1952 và Nguyễn Thị N4, sinh năm 1958 mỗi người 6m ngang, dài 12m. Phần đất và nhà còn lại sẽ giao cho ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953 quản lý, sử dụng. Sau khi lập bản di chúc do chưa có thời gian nên cụ L3 chưa thực hiện việc chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Lạc An. Cùng trong năm 2006 thì cụ L3 mất. Mặc dù, cụ L3 đã mất và bản di chúc chưa được chứng thực ở ủy ban nhưng trên thực tế các anh em của ông N và những người thừa kế khác đã thực hiện đúng nội dung của bản di chúc do cụ L3 để lại.

Cụ thể, bà Hà Thị C (vợ của ông Nguyễn Văn T8 đã chết là anh của ông N) đã trực tiếp quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.800m² đất ruộng rẫy; hai em gái của ông N là bà Nguyễn Thị V3 và Nguyễn Thị N4 đã quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất được chia (ngang khoảng 6m, dài khoảng 12m) tại thửa đất 587, tờ bản đồ số 30. Riêng đối với phần đất (ngang khoảng 12m, dài khoảng 25m) và nhà theo bản di chúc do cụ L3 để lại cho ông N thì do ở xa, chưa có nhu cầu sử dụng nên tạm thời bà Nguyễn Thị N4 có xin phép ông N được sử dụng.

Khi ông N muốn về sinh sống trên phần đất mà cụ L3 để lại nhưng bà Nguyễn Thị N4 lại cố tình ngăn cản không cho ông N về sinh sống. Bà N4 hiện đang giữ bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ diện tích đất nêu trên và yêu cầu ông N phải chia thêm đất cho bà N4 trong phần đất mà ông N được cha để lại. Xét thấy, hành vi cản trở của bà Nguyễn Thị N4 đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N.

Vì lẽ đó, ông N khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên yêu cầu giải quyết như sau:

- Yêu cầu Tòa án công N bản di chúc do cụ Nguyễn L3 lập ngày 04 tháng 5 năm 2006 về việc phân chia diện tích đất 454m² thuộc thửa đất số 587, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Yêu cầu chia diện tích đất trên thành 03 phần như sau:

+ Bà Nguyễn Thị V3 và bà Nguyễn Thị N4 mỗi người được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất có chiều ngang 06m, dài 12m.

+ Ông Nguyễn Văn N được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất có chiều ngang 12m, dài 25m và một căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất.

- Buộc bà Nguyễn Thị N4 phải chấm dứt hành vi ngăn cản quyền quản lý, sử dụng đất đối với phần diện tích đất có chiều ngang 12m, dài 25m của ông N nếu được chia theo di chúc.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Viết U trình bày: Việc bà N4 thừa nhận di chúc ngày 04/5/2006 là ý chí của cụ L3 phù hợp với kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương. Quá trình sinh sống trên đất bà N4 cũng không tạo lập, hay sửa chữa thêm các tài sản mới. Bà N4 đã sử dụng phần đất này vào việc chăn nuôi và đan lồng chim. Như vậy, bà N4 đã được hưởng lợi từ việc sử dụng đất. Kết quả xác minh của Tòa cũng thể hiện bà N4 không chăm sóc cụ L3 mà do bà Hà Thị C thực hiện. Hiện nay phần đất của bà N4 xây dựng nhà đã lớn hơn diện tích mà cụ L3 để lại cho bà nhưng nguyên đơn đồng ý và đề nghị Tòa án công N theo đúng hiện trạng đang sử dụng.

Theo kết quả đo đạc có diện tích 64,1m² đối chiếu với bản đồ địa chính thì thuộc thửa 586, tờ bản đồ 30 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T6. Theo hiện trạng từ đường ĐT – 746 đi vào thửa 586, 587 có một con đường rộng khoảng 1,6m (các đường sự thống nhất lối đi này có từ 1954 đến nay) nối liền với phần đất 64,1m² làm lối đi chung của gia đình bà N4, bà Tâm, bà Tuyên và phần đất còn lại của cụ L3. Nguyên đơn thống nhất không tranh chấp phần đất này mà đồng ý tiếp tục sử dụng làm lối đi chung.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2021, biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị N4 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của cụ L3 và không bổ sung gì thêm.

Thống nhất diện tích đất 454m² thuộc thửa đất số 587, tờ bản đồ số 30 và 1800m² đất ruộng, rẫy tại xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc của cụ L3 và cụ Đ2 tạo lập. Năm 1979, khi cụ Đ2 mất thì toàn bộ diện tích đất nêu trên do cụ Nguyễn L3 quản lý và sử dụng, khi nhà nước thực hiện việc cấp sổ đại trà thì cụ L3 đã thực hiện việc kê khai, đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Năm 2006, nhận thấy sức khỏe đã giảm sút nên cụ L3 có làm bản di chúc dưới sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Đ3 – là em ruột của cụ L3 và các con Nguyễn Văn N, Hà Thị C, Nguyễn Thị V3 và Nguyễn Thị N4, với nội dung:

Đối với số ruộng và rẫy có diện tích khoảng 1.800m² sẽ giao cho con dâu là Hà Thị C, sinh năm 1952 quản lý, sử dụng; đối với phần đất khoảng 454m² đất trồng cây lâu năm, sẽ chia cho con gái Nguyễn Thị V3, sinh năm 1952 và Nguyễn Thị N4, sinh năm 1958 mỗi người 6m ngang, dài 12m. Phần đất và nhà còn lại sẽ giao cho ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953 quản lý, sử dụng. Sau khi lập bản di chúc do chưa có thời gian nên cụ L3 chưa thực hiện việc chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Lạc An. Cùng trong năm 2006 thì cụ L3 mất. Mặc dù, cụ L3 đã mất và bản di chúc chưa được

chứng thực ở ủy ban nhưng trên thực tế các anh em của ông N và những người thừa kế khác đã thực hiện đúng nội dung của bản di chúc do cụ L3 để lại.

Cụ thể, bà Hà Thị C (vợ của ông Nguyễn Tú đã chết là anh của ông N) đã trực tiếp quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.800m² đất ruộng rẫy; bà N4 và bà V3 cũng đã quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất được chia (ngang khoảng 6m, dài khoảng 12m) tại thửa đất 587, tờ bản đồ số 30. Tuy nhiên, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà N4 có ý kiến như sau:

Thứ nhất bà N4 không tranh chấp diện tích 1.800m² mà bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thứ hai bà N4 đồng ý công N cho các con của bà V3 được quyền sử dụng diện tích đất chiều rộng 06m, chiều dài hết đất của thửa số 587, tờ bản đồ số 30.

Thứ ba bà N4 đồng ý công N cho ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng diện tích đất chiều ngang 06m, dài hết đất của thửa 587, tờ bản đồ số 30.

Phần còn lại của thửa số 587 là thuộc quyền sử dụng của bà N4 vì lý do: Khoảng năm 1999, bà N4 đã có nhà, đất ở tổ 12, ấp 3, xã Lạc An, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhưng ông N đề nghị bà N4 bán nhà đất này để về chăm sóc cụ L3. Do ông N không ở trực tiếp với cụ L3 được nên ông cam đoan sẽ cho bà N4 toàn bộ phần đất mà ông được cụ L3 để lại. Đồng ý với ý kiến của ông N nên bà N4 đã bán nhà, đất để về sống, chăm sóc cụ L3 từ năm 1999 đến khi cụ L3 mất. Bà N4 có công gìn giữ và chăm sóc cụ L3 nên bà N4 chỉ đồng ý chia cho ông N 06m ngang.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N4 trình bày: Bà N4 không tu sửa mới đối với căn nhà của cụ L3 xây dựng. Hiện nay, bà N4 chỉ nuôi gà và đàn lồng chim trên phần đất giáp bờ sông nên đề nghị ông N phải thực hiện lời hứa là chỉ lấy diện tích đất 06 mét ngang giáp với đất của bà V3 được chia. Phần còn lại giao cho bà N4 để bà N4 tiếp tục chăn nuôi và đàn lồng chim để có thu nhập hàng ngày.

Đối với diện tích 64,1m² đối chiếu với bản đồ địa chính thì thuộc thửa số 586, tờ bản đồ 30 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T6. Theo hiện trạng từ đường ĐT746 đi vào các thửa số 586 và 587 có một con đường rộng khoảng 1,6m (các đương sự thống nhất lối đi này có từ 1954 đến nay) nối liền với phần đất 64,1m² làm lối đi chung của gia đình bà N4, bà Tâm, bà Tuyền và phần đất còn lại của cụ L3. Bị đơn thống nhất không tranh chấp phần đất này mà đồng ý tiếp tục sử dụng làm lối đi chung.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị C và ông Nguyễn Tiến Đ trình bày:* Bà C và ông Đ là vợ và con của ông Nguyễn Tú. Bà C và ông Đ thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông N. Bà Tú, ông Đ đề nghị Tòa chia di sản theo di chúc của cụ L3 định đoạt. Phần đất diện tích 1.800m² đất ruộng, rẫy tại xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bà Tú đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, bà Võ Thị T4 cháu Nguyễn Võ Hoàng L2 và cháu Nguyễn Võ Trúc L1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Bá T2, bà Nguyễn Thị Kim V và bà Nguyễn Thị Bích T8 thống nhất trình bày:* Bà D là vợ của Ông T7. Ông T7 đã chết nên bà D và các con không tranh chấp, không có yêu cầu gì đối với vụ án đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; bà D và các con xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị N1 và chị Nguyễn Thị K2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, bà N1 và bà Khánh cho rằng không liên quan đến việc tranh chấp nên không đồng ý có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Trung N2, ông Ngô Trung D2, bà Ngô Thanh T5, ông Ngô Thiện T6, bà Ngô Thanh L3, và bà Ngô Thanh H3 thống nhất trình bày: Các ông, bà là con của bà Nguyễn Thị V3. Bà Nguyễn Thị V3, sinh năm 1952 (đã chết năm 2019), bà V3 có chồng là ông Ngô Phước Thới (đã chết năm 2019). Bà V3 không có con nuôi, không có con riêng nên đề nghị Tòa án công N di chúc của cụ L3 và công N cho các con của bà V3 được quyền sử dụng diện tích đất theo kết quả đo đạc. Các ông, bà thống nhất cử chị Ngô Thanh T5 đại diện nhận phần đất này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Đ1, Nguyễn Thúy Phương và Nguyễn Thị Xuân Đ1: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà N4, không trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T7 trình bày: Ông Thường là chồng của bà Tuyền. Ông Thường thống nhất với lời trình bày của bà Tuyền và không bổ sung gì thêm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T6 và bà Đoàn Thị M trình bày: Các bà là chủ đất giáp ranh phần đất đang tranh chấp nhưng đã có ranh giới rõ ràng bằng tường rào xây gạch nên không tranh chấp, không có yêu cầu nào khác. Hiện nay, bà Tâm đang sử dụng diện tích 64,1m² thuộc thửa 586, tờ bản đồ 30 làm lối đi chung của gia đình bà N4, bà Tâm với bà Tuyền đồng thời vào phần đất còn lại của cụ L3 (đi từ đường ĐT – 746 đi vào đất của các đương sự). Bà Tâm thống nhất không tranh chấp phần đất này mà đồng ý tiếp tục sử dụng làm lối đi chung.

- Những người làm chứng bà Bùi Thị H4, ông Bùi O và bà Hà Thị C2 trình bày: Có thấy bà N4 về ở với cụ L3 nhưng hàng ngày cụ L3 vẫn ra nhà bà Hà Thị C để ăn uống. Ông N đã sang Đồng Nai sinh sống nên không trực tiếp quản lý đất. Hiện nay, bà N4 đang quản lý phần đất này. Việc cụ L3 để lại di chúc như thế nào thì những người làm chứng không biết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà N4 cho rằng được ông N cho phần đất mà ông N được chia nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của bà N4 là không có căn cứ. Bà N4 thừa nhận không có tư sửa gì trong quá trình sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản theo di chúc của cụ L3 theo kết quả đo đạc thực tế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 và 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp thừa kế về tài sản mà đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại xã L, huyện Bắc Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên giải quyết. Căn cứ các điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

[3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu đối với diện tích đất 29,4m². Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tranh chấp diện tích 29,4m².

- Về nội dung vụ án:

[1] Theo kết quả đo đạc có diện tích 64,1m² đối chiếu với bản đồ địa chính thì thuộc thửa 586, tờ bản đồ 30 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh T6. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh và thẩm định thực tế thì từ đường ĐT746 đi vào thửa 586, 587 có một con đường rộng khoảng 1,6m (các đương sự thống nhất lối đi này có từ 1954 đến nay) nối liền với phần đất 64,1m² làm lối đi chung của gia đình bà N4, bà Tâm, bà Tuyền và phần đất còn lại của cụ L3. Các đương sự đều thống nhất không tranh chấp phần đất này nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn L3 chết để lại theo Di chúc do cụ Nguyễn L3 lập ngày 04 tháng 5 năm 2006 về việc phân chia diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 424,6m² thuộc thửa đất số 587, tờ bản đồ số 30 tại xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị V3 (đã chết nên các con bà V3 được hưởng) và bà Nguyễn Thị N4; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bắc Tân Uyên thể hiện diện tích đất tranh chấp là thửa đất số 587, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tổng diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 424,6m² (trong đó 373,1m² thuộc thửa 587, diện tích 5,9m² thuộc thửa 549, 45,6 thuộc thửa 588). Đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa 549 và 588 ranh là tường xây gạch; hướng Tây giáp thửa 586; hướng Nam giáp sông Đồng Nai; hướng Bắc giáp thửa 522. Qua kết quả thẩm định xung quanh phần đất đang tranh chấp đã có tường rào xây gạch, tường nhà của các đương sự nên thửa đất đã ổn định về ranh giới. Các chủ giáp ranh đều thống nhất về ranh giới. Trên đất tranh chấp có nhà ở số 1 của bà N4 xây dựng diện tích 65,6m², nhà ở số 2 của bà Tuyền xây dựng diện tích 60,3m² và nhà ở số 3 của cụ L3 xây dựng diện tích 93,5m².

[2.2] Kết quả định giá xác định giá trị tài sản tranh chấp là: 400m² đất thổ cư trị giá 1.080.000 đồng và 24,6m² đất trồng cây lâu năm trị giá 46.494.000 đồng; nhà của cụ L3 xây dựng trị giá 43.197.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp 1.170.146.000 đồng.

[2.3] Hồ sơ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bắc Tân Uyên cung cấp thể hiện các thửa đất số 587, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã L, huyện Bắc Tân Uyên đã được UBND huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00747QSDĐ ngày 22/11/2000 công N cho cụ Nguyễn L3 được quyền sử dụng diện tích 454m² trong đó có 400m² đất thổ cư và 54m² đất cây lâu năm.

[2.4] Ngày 04/5/2006 cụ L3 đã lập di chúc, với nội dung: Đối với số ruộng và rẫy có diện tích khoảng 1.800m² sẽ giao cho con dâu là Hà Thị C, sinh năm 1952 quản lý, sử dụng; đối với phần đất khoảng 454m² đất trồng cây lâu năm, sẽ chia cho con gái Nguyễn Thị V3, sinh năm 1952 và Nguyễn Thị N4, sinh năm 1958 mỗi người 6m ngang, dài 12m. Phần đất và nhà còn lại sẽ giao cho ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953 quản lý, sử dụng.

Di chúc đề ngày 04/5/2006 không được công chứng, chứng thực nhưng có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Đ3 – là em ruột của cụ L3 và các con gồm ông Nguyễn Văn N, bà Hà Thị C, bà Nguyễn Thị V3 và bà Nguyễn Thị N4. Ngày 23/6/2006 cụ Nguyễn L3 chết.

Các đương sự đều thừa nhận nội dung di chúc đúng với ý chí của cụ L3 và thực tế các con của cụ L3 đã thực hiện đúng nội dung của bản di chúc do cụ L3 để lại. Cụ thể, bà Hà Thị C (vợ của ông Nguyễn Tú) đã trực tiếp quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.800m² đất ruộng; bà Nguyễn Thị V3 và Nguyễn Thị N4 đã quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất được chia (ngang khoảng 6m, dài khoảng 12m) tại thửa đất 587, tờ bản đồ số 30. Riêng đối với phần đất (ngang khoảng 12m, dài khoảng 25m) và nhà theo bản di chúc do cụ L3 để lại cho ông N thì do ở xa, chưa có nhu cầu sử dụng nên tạm thời bà Nguyễn Thị N4 quản lý, sử dụng.

Đối chiếu với quy định tại các điều 646, 647, 648, 649, 656, 652 và 653 Bộ luật dân sự năm 2005 thì di chúc của cụ Nguyễn L3 là hợp pháp. Nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thửa đất 587, tờ bản đồ số 30 tại xã Lạc An mà không yêu cầu chia các phần đất khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận và chia theo di chúc của cụ L3 đối với thửa đất 587 nêu trên.

Bà Nguyễn Thị V3, sinh năm 1952 (đã chết năm 2019), bà V3 có chồng là ông Ngô Phước Thới (đã chết năm 2019), bà V3 và ông Thới có 06 người con là ông Ngô Trung N2, ông Ngô Trung D2, bà Ngô Thanh T5, ông Ngô Thiện T6, bà Ngô Thanh L3, và bà Ngô Thanh H3. Hiện nay bà Ngô Thanh T5 đang quản lý, sử dụng và đã xây nhà trên đất nên Hội đồng xét xử tạm giao cho bà Ngô Thanh T5 quản lý, sử dụng. Nếu các con của bà V3 có tranh chấp với phần đất này thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.5] Bà N4 cho rằng được ông N cho phần đất mà ông N được chia nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của bà N4 là không có căn cứ. Bà N4 thừa nhận không có tu sửa gì trong quá trình sử dụng đất nên Hội đồng xét xử chia di sản theo di chúc của cụ L3 để lại. Cụ thể theo đúng hiện trạng các đương sự đang quản lý sử dụng như sau:

+ Ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng diện tích đất 277,2m² trong đó có 252,5m² đất thổ cư và 24,7m² đất trồng cây lâu năm, đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp sông Đồng Nai; hướng Tây giáp phần đất của bà V3 được chia ranh là

tường nhà của bà Tuyền xây; hướng Nam giáp đường đi chung và hướng Bắc giáp thửa số 588 ranh là tường rào của bà Đoàn Thị M xây dựng.

+ Bà Nguyễn Thị N4 được quyền sử dụng diện tích đất 77,8m² đất thổ cư, đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất của bà V3 được chia ranh là tường nhà của bà N4; hướng Tây giáp thửa 552 ranh là tường nhà của bà N4; hướng Nam giáp đường đi chung và hướng Bắc giáp thửa 549 ranh là tường rào của bà Đoàn Thị M xây dựng.

+ Các con của bà V3 do bà Nguyễn Thanh Tuyền đại diện được quyền nhận sử dụng diện tích đất 69,7m² đất thổ cư, đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất của ông N được chia ranh là tường nhà của bà Tuyền; hướng Tây giáp phần đất của bà N4 được chia ranh là tường nhà của bà N4; hướng Nam giáp đường đi chung và hướng Bắc giáp thửa 549 ranh là tường rào của bà Đoàn Thị M xây dựng.

[2.6] Tòa án đã chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn L3 nên cần kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00747/QSDĐ ngày 22/11/2000 đứng tên cụ Nguyễn L3 để cấp lại cho những người được nhận thừa kế theo quy định của pháp luật.

[2.7] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận phần.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia. Tuy nhiên, ông N và bà N4 đã trên 60 tuổi nên thuộc đối tượng được miễn án phí. Bà Tuyền là người khuyết tật (bị điếc) và có hoàn cảnh khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận nên Hội đồng xét xử giảm một phần án phí cho bà Tuyền.

[4] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí đo đạc, định giá là 5.906.000 đồng, ông Nguyễn Văn N đã nộp tạm ứng số tiền 5.906.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự phải chịu chi phí đo đạc, định giá tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà mình được hưởng nên bà N4 và các con của bà V3 mỗi người phải nộp 1.968.000 đồng (*Một triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) để trả lại cho ông Nguyễn Văn N.

- Chi phí giám định là 2.640.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N4 đã nộp tạm ứng số tiền nêu trên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Nguyễn Thị N4 phải chịu chi phí giám định do yêu cầu giám định không có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 165, 217, 227, 228, 224, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 468; 646, 647, 648, 649, 656, 652 và 653 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào các điều 97, 100, 166 và 167 của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với diện tích đất 29,4m² thuộc thửa đất số 587, tờ bản đồ 30 tại xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn N với bị đơn bà Nguyễn Thị N4.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N4 về việc tranh chấp thừa kế về tài sản theo di chúc.

3. Chia di sản của cụ Nguyễn L3 theo di chúc lập ngày 04/5/2006 đối với thửa đất 587, tờ bản đồ 30 tại xã Lạc An cho ông Nguyễn Văn N, các con của bà Nguyễn Thị V3 do bà Ngô Thị Tuyền đại diện và bà Nguyễn Thị N4 cụ thể như sau:

3.1 Ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng diện tích đất 277,2m² (trong đó có 252,5m² đất thổ cư và 24,7m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 587, tờ bản đồ 30 tại xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp sông Đồng Nai; hướng Tây giáp phần đất của bà V3 được chia ranh là tường nhà của bà Tuyền xây; hướng Nam giáp đường đi chung và hướng Bắc giáp thửa 588 ranh là tường rào của bà Đoàn Thị M xây dựng. Ông N được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 gắn liền với đất diện tích 93,5m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

3.2 Bà Nguyễn Thị N4 được quyền sử dụng diện tích đất 77,8m² đất thổ cư, thuộc thửa 587, tờ bản đồ 30 tại xã L, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất của bà V3 được chia ranh là tường nhà của bà N4; hướng Tây giáp thửa 552 ranh là tường nhà của bà N4; hướng Nam giáp đường đi chung và hướng Bắc giáp thửa 549 ranh là tường rào của bà Đoàn Thị M xây dựng. Bà N4 được sở hữu căn nhà gắn liền với đất diện tích 65,6m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

3.3 Các con của bà V3 do bà Nguyễn Thanh Tuyền đại diện được quyền sử dụng diện tích đất 69,7m² đất thổ cư, đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất của ông N được chia ranh là tường nhà của bà Tuyền; hướng Tây giáp phần đất của bà N4 được chia ranh là tường nhà của bà N4; hướng Nam giáp đường đi chung và hướng Bắc giáp thửa 549 ranh là tường rào của bà Đoàn Thị M xây dựng. Bà Tuyền được quyền sở hữu căn nhà diện tích 60,3m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

4. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

5. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00747QSDĐ ngày 22/11/2000 công N cho cụ Nguyễn L3 để cấp lại cho người được nhận thừa kế theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1 Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị N4 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6.2 Bà Võ Thanh Tuyền phải nộp số tiền 5.409.000 đồng (Năm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về chi phí tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị N4 và bà Võ Thanh Tuyền mỗi người phải nộp số tiền 1.968.000 đồng (*Một triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) để trả lại cho ông Nguyễn Văn N.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

- Bà Nguyễn Thị N4 phải nộp số tiền 2.640.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) chi phí giám định. Khấu trừ vào số tiền 2.640.000 đồng bà N4 đã nộp. Bà N4 đã thực hiện xong.

8. Về quyền kháng cáo:

8.1 Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

8.2 Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền